

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2018.

V/v: “Ly hôn giữa chị L và anh Q”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3062/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị L, sinh năm: 1994, địa chỉ: Số 180/6, ấp An N xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Bé Q, sinh năm: 1989, địa chỉ: Số 180/6, ấp An N xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2017, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bé Q tự nguyện kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AT cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/6/2011. Trong thời gian sống chung, chị và anh Bé Q không hợp nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra bất hòa, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh Q thường xuyên đi cào ngoài biển nhiều ngày mới về nên ít khi ở nhà để vun đắp tình cảm gia đình. Từ nguyên nhân này nên sau khi chị mang thai, chị về nhà cha mẹ

ruột sống và sốngL thân với anh Q từ 05 năm nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Q, không thể hàn gắn lại cuộc sống chung nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị đượcL hôn với anh Q. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 05/02/212. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu tòa giải quyết.

AnhNguyễn Bé Q vắng mặt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Bé Q không đến tòa để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn chị L không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về con chung: ChịL được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 05/02/212, chịL không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: không có, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là Hôn nhân và gia đình, về việc “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét việc anh Q vắng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Bé Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng anh Q vẫn không đến, việc vắng mặt không rõ lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Bé Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc ép buộc, cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu ly hôn của chị L Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh Q có thời gian sống hạnh phúc không lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn, chị L và anh Q và gia đình hai bên không tìm cách giải quyết mâu thuẫn để vun đắp tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh Q mà khi mâu thuẫn xảy ra thì chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, anh Q thì đi cào thường xuyên ngoài biển ít khi về nhà. Tại Tòa chị L xác định đã từ lâu chị không còn tình cảm gì với anh Q nên kiên quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị L và anh Q đã đến mức không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt nhưng có cơ sở khẳng định anh Q đã biết việc chị L yêu cầu ly hôn với anh, do anh Q đã được Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh Q vẫn không đến. Điều này có căn cứ cho rằng anh Q cũng không còn mong muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Do đó, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về con chung: Chị L và anh Q có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 05/02/2012. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng. Xét thấy từ lúc chị L và anh Q sống ly thân cho đến nay chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, anh Q thường xuyên đi cào xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc con được chu đáo như chị L. Do đó, việc chị L có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu M là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh Q không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L, chị L được ly hôn với anh Nguyễn Bé Q. Chị L không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị L được trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 05/02/2012; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: Chị L và anh Q không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị L phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số: 0012037 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/01/2018), đương sự vắng mặt tại phiên Tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã AT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

